

**THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026 (DỰ KIẾN)**

**(Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học)**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Tên cơ sở đào tạo:**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU – ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI**

**2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: SKD**

**3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính, trụ sở cùng tỉnh/TP trực thuộc Trung ương và phân hiệu)**

Khu Văn hóa nghệ thuật, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội

**4. Địa chỉ trang thông tin điện tử**

[skda.edu.vn](http://skda.edu.vn)

**5. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin, quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi)**

<https://skda.edu.vn/2025/04/26/de-an-quy-che-tuyen-sinh-nam-2025/>

**6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0243.834.1522**

**7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo (chương trình đào tạo; ngành đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành...)**

Chương trình đào tạo: <https://skda.edu.vn/2025/03/18/chuong-trinh-dao-tao/>

Ngành đào tạo: <https://skda.edu.vn/2025/04/26/danh-muc-nganh-dao-tao/>

Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý: <https://skda.edu.vn/2025/04/26/danh-sach-doi-ngu-giang-vien/>

Cơ sở vật chất: <https://skda.edu.vn/2025/04/26/co-so-vat-chat-nam-2024/>

Quy mô đào tạo: <https://skda.edu.vn/2025/04/26/quy-mo-dao-tao-nam-2024/>

Tỷ lệ sinh viên có việc làm: <https://skda.edu.vn/2025/04/26/tinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-sau-tot-nghiep-nam-2024/>

Kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành:  
<https://skda.edu.vn/2025/04/16/thong-bao-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-nam-2025/>

## **II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON**

### **1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển:**

Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế, có đủ sức khỏe, thực hiện đủ các điều kiện giấy tờ, lệ phí và có văn bằng phù hợp như sau:

- Đối với thí sinh dự thi trình độ đại học:

+ Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với trung học phổ thông (THPT), trung học nghề của Việt Nam do các cơ sở tuyển sinh, đào tạo xác định;

+ Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật;

- Đối với thí sinh dự thi văn bằng 2:

+ Có 01 bằng tốt nghiệp đại học.

- Những trường hợp khác do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định.

**Lưu ý:** Những người không đủ các điều kiện kể trên và những người thuộc diện dưới đây không được dự thi:

- Không chấp hành Luật Nghĩa vụ quân sự; đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang trong thời kỳ thi hành án hình sự;

- Những người bị tước quyền dự thi tuyển sinh hoặc bị kỷ luật buộc thôi học chưa đủ thời hạn quy định tính từ ngày ký quyết định kỷ luật đến ngày dự thi.

- Quân nhân hoặc công an nhân dân tại ngũ chưa được thủ trưởng cơ quan cho phép đi học.

**2. Mô tả phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển...)**

- Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển.

- Mã phương thức xét tuyển: 406 (theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).



- Thí sinh tham gia dự thi môn năng khiếu kết hợp xét tuyển điểm học bạ lớp 12 môn Ngữ văn theo yêu cầu của từng ngành/chuyên ngành đăng ký dự thi. Điểm môn này phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu để hoàn thành chương trình phổ thông (điểm trung bình từ 5.0 trở lên).

- Yêu cầu thí sinh khi nộp hồ sơ dự thi phải nộp kèm điểm học bạ THPT lớp 12 môn Ngữ văn. Nếu không có học bạ THPT đối với môn văn hóa, thí sinh dù có đạt điểm thi năng khiếu cũng không đủ điều kiện trúng tuyển.

- Thí sinh dự thi văn bằng 2 được miễn xét tuyển môn văn hóa.

### **3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh**

#### **3.1. Ngưỡng đầu vào**

Theo yêu cầu cụ thể của từng ngành/chuyên ngành đào tạo.

#### **3.2. Điểm trúng tuyển**

Điểm trúng tuyển gồm 2 loại điểm:

- + Điểm thi các môn Năng khiếu chuyên môn (hệ số 2).
- + Tổng điểm: gồm điểm Năng khiếu chuyên môn (hệ số 2) cộng điểm Ngữ văn, cộng thêm điểm ưu tiên (nếu có) và làm tròn đến 2 số thập phân.

- Theo quy chế tuyển sinh, trường không nhận đơn phúc khảo điểm thi năng khiếu.

#### **3.3. Điều kiện trúng tuyển**

Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau đây:

- Điểm Năng khiếu chuyên môn đạt từ mức tối thiểu trở lên theo yêu cầu cụ thể của từng ngành/chuyên ngành đào tạo (căn cứ vào chất lượng thí sinh hàng năm);
- Tổng điểm xét tuyển đạt mức tối thiểu theo yêu cầu của Nhà trường.

### **4. Số lượng tuyển sinh**

(Ghi rõ địa chỉ đào tạo; đối với mỗi mã trường trong tuyển sinh lập một bảng theo bảng dưới đây).

| TT | Mã xét tuyển | Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển | Mã ngành, nhóm ngành | Tên ngành, nhóm ngành | Số lượng | Phương thức tuyển sinh | Ghi chú |
|----|--------------|-----------------------------------------------|----------------------|-----------------------|----------|------------------------|---------|
|----|--------------|-----------------------------------------------|----------------------|-----------------------|----------|------------------------|---------|

|    |               |                                        |         |                                        |    |                              |              |
|----|---------------|----------------------------------------|---------|----------------------------------------|----|------------------------------|--------------|
| 1. | 7210227VB2.2  | Đạo diễn sân khấu                      | 7210227 | Đạo diễn sân khấu                      | 15 | Phương thức 406 (Tổ hợp S00) | Miễn Ngữ văn |
| 2. | 7210227BVB2.2 | Đạo diễn sự kiện lễ hội                | 7210227 | Đạo diễn sân khấu                      | 10 | Phương thức 406 (Tổ hợp S00) | Miễn Ngữ văn |
| 3. | 7210225VB2.2  | Biên kịch sân khấu                     | 7210225 | Biên kịch sân khấu                     | 10 | Phương thức 406 (Tổ hợp S00) | Miễn Ngữ văn |
| 4. | 7210234VLVH   | Diễn viên kịch, điện ảnh – truyền hình | 7210234 | Diễn viên kịch, điện ảnh – truyền hình | 20 | Phương thức 406 (Tổ hợp S00) |              |

#### 5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

b. Điểm cộng

c. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (CSĐT tuyển sinh theo nhóm ngành)

d. Các thông tin khác:

\* Hồ sơ đăng ký dự thi bao gồm:

a) Phiếu tuyển sinh (Trường in và phát hành theo mẫu của Bộ GD&ĐT);

b) Bằng tốt nghiệp:

- Thí sinh dự thi trình độ đại học: Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp THPT hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời THPT đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2026;

- Thí sinh dự thi văn bằng 2: Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp đại học kèm theo bảng điểm;

c) Học bạ THPT (Bản sao công chứng);

d) Bản sao công chứng giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có);

e) Bản sao công chứng giấy khai sinh;

g) 04 ảnh chân dung cỡ 4x6 cm trong thời hạn 6 tháng tính từ ngày chụp đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi.



*\* Thủ tục đăng ký dự thi:*

a) Đối với thí sinh đang làm việc tại một cơ quan, đơn vị: Hồ sơ đăng ký tuyển sinh phải được thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý ký, đóng dấu.

Đối với các thí sinh khác: Hồ sơ đăng ký tuyển sinh phải được chính quyền nơi thí sinh cư trú xác nhận, đóng dấu.

b) Sau khi nộp hồ sơ đăng ký dự thi, nếu có sự thay đổi về gia đình hoặc bản thân, thí sinh có trách nhiệm thông báo kịp thời cho trường và trước ngày thi phải nộp bổ sung đầy đủ giấy tờ. Sau ngày thi, trường không nhận các giấy tờ bổ sung.

*\* Thời hạn nhận hồ sơ:*

- Hồ sơ do trường phát hành được bán tại phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế, Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội từ ngày 17/8/2026. Thời gian nhận hồ sơ từ ngày **24/8/2026 đến hết ngày 04/9/2026** (nghỉ thứ Bảy, Chủ nhật và ngày lễ theo quy định của nhà nước).

- Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ: Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế (Phòng A2.103) Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội, Khu Văn hoá nghệ thuật, Phường Phú Diễn, TP Hà Nội. ĐT: 024.3834.1522.

## **6. Tổ chức tuyển sinh**

Thời gian tổ chức thi: Tháng 9/2026 (Dự kiến)

Hình thức thi: Thí sinh tham gia thi tuyển năng khiếu trực tiếp tại trường.

## **7. Chính sách ưu tiên**

- Đối với các thí sinh được ưu tiên theo đối tượng hay khu vực, mức chênh lệch điểm thực hiện theo Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Do đặc thù đào tạo năng khiếu, đối với các thí sinh thuộc chính sách ưu tiên xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thí sinh vẫn bắt buộc phải tham gia dự thi năng khiếu.

## **8. Mức thu dịch vụ tuyển sinh (xét tuyển, thi tuyển)**

Thực hiện chế độ thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp theo quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường.

## **9. Cam kết của cơ sở đào tạo đối với thí sinh**

Nhà trường thực hiện giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, giải quyết các trường hợp thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh theo các văn bản hướng dẫn và quy định hiện hành.

**10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)**

10/07/2017

### 11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

| TT | Mã xét tuyển  | Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển | Mã ngành, nhóm ngành | Tên ngành, nhóm ngành          | Phương thức tuyển sinh       | Năm 2025 |             |                                 | Năm 2024 |             |                                 | Ghi chú |
|----|---------------|-----------------------------------------------|----------------------|--------------------------------|------------------------------|----------|-------------|---------------------------------|----------|-------------|---------------------------------|---------|
|    |               |                                               |                      |                                |                              | Số lượng | Số nhập học | Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét | Số lượng | Số nhập học | Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét |         |
| 1. | 7210235VLVH   | Đạo diễn điện ảnh, truyền hình                | 7210235              | Đạo diễn điện ảnh, truyền hình | Phương thức 406 (Tổ hợp S00) | 15       | -           | -                               | 15       | 16          | 15.5/30                         |         |
| 2. | 7210236VLVH   | Quay phim                                     | 7210236              | Quay phim                      | Phương thức 406 (Tổ hợp S00) | 15       | -           | -                               | 15       | 8           | 17.5/30                         |         |
| 3. | 7210235VB2.2  | Đạo diễn điện ảnh, truyền hình                | 7210235              | Đạo diễn điện ảnh, truyền hình | Phương thức 406 (Tổ hợp S00) | 15       | 10          | 10.5/20                         | 15       | 12          | 10.5/20                         |         |
| 4. | 7210227VB2.2  | Đạo diễn sân khấu                             | 7210227              | Đạo diễn sân khấu              | Phương thức 406 (Tổ hợp S00) | 15       | 15          | 13.0/20                         | -        | -           | -                               |         |
| 5. | 7210227BVB2.2 | Đạo diễn sự kiện lễ hội                       | 7210227              | Đạo diễn sân khấu              | Phương thức 406 (Tổ hợp S00) | 15       | -           | -                               | 15       | 8           | 10.5/20                         |         |

|    |              |                                                    |         |                                                    |                                       |            |           |         |            |           |       |  |
|----|--------------|----------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------|---------------------------------------|------------|-----------|---------|------------|-----------|-------|--|
|    |              |                                                    |         |                                                    | S00)                                  |            |           |         |            |           |       |  |
| 6. | 7210234VLVH  | Diễn viên<br>kịch, điện<br>ảnh –<br>truyền<br>hình | 7210234 | Diễn viên<br>kịch, điện<br>ảnh –<br>truyền<br>hình | Phương<br>thức 406<br>(Tổ hợp<br>S00) | 20         | 16        | 16.5/30 | 20         | 21        | 15/30 |  |
| 7. | 7210226B2    | Diễn viên<br>chèo                                  | 7210226 | Diễn viên<br>sân khấu<br>kịch hát                  | Phương<br>thức 406<br>(Tổ hợp<br>S00) | 10         | -         | -       | 10         | 12        | 19/30 |  |
| 8. | 7210226E2    | Nhạc<br>công kịch<br>hát dân<br>tộc                | 7210226 | Diễn viên<br>sân khấu<br>kịch hát                  | Phương<br>thức 406<br>(Tổ hợp<br>S00) | 10         | 10        | 21.6/30 | 10         | 8         | 20/30 |  |
|    | <b>TỔNG:</b> |                                                    |         |                                                    |                                       | <b>115</b> | <b>51</b> |         | <b>100</b> | <b>85</b> |       |  |

**Cán bộ tuyển sinh**  
(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ Email)

Họ tên: Phạm Thị Ngọc Anh  
Số điện thoại: 0349 713 013  
Email: ngocanh.skda@gmail.com

Hà Nội, ngày 06 tháng 2 năm 2026 *Uien*  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



**TS. Bùi Như Lai**